

Số: /KH-STP

An Giang, ngày tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Hành động phát triển Chính phủ số, Chính quyền số của Sở Tư pháp

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Chương trình hành động số 02/CTr/TU, ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang hành động phát triển Chính phủ số, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh An Giang;

Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch hành động phát triển Chính phủ số, Chính quyền số như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Kế hoạch hướng tới hoàn thành mục tiêu chung Chính quyền số của tỉnh theo mô hình vận hành tập trung, thống nhất, liên thông giữa các cấp, các ngành; bảo đảm mọi hoạt động cơ bản của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số. Trên cơ sở dữ liệu lớn và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), góp phần hình thành Chính quyền số thông minh của tỉnh, chuyển từ cách thức quản lý “phản ứng theo vụ việc” sang quản trị chủ động, dự báo, ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Đồng thời, Kế hoạch đặt yêu cầu xuyên suốt về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân, coi đây là điều kiện tiên quyết để vận hành ổn định, tạo niềm tin cho người dân và doanh nghiệp khi sử dụng các dịch vụ số của Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Dịch vụ số thông minh

- *Giai đoạn 2026 - 2027:*

- + 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- + 90% giấy tờ thủ tục hành chính chỉ cung cấp 1 lần.
- + 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng dịch vụ công trực tuyến.

- *Giai đoạn 2028 - 2030:*

- + 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng dịch vụ công trực tuyến.
- + 50% dịch vụ công thiết yếu được AI hỗ trợ “cá thể hoá” (khi đủ điều kiện).
- + 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.
- + 100% hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính được số hoá.
- + 80% dữ liệu số hoá được khai thác, sử dụng lại.

2.2. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh

- *Giai đoạn 2026 - 2027:*

- + 100% nền tảng số quốc gia/dùng chung được kết nối, đồng bộ với với tỉnh.
- + 100% hồ sơ công việc xử lý điện tử (sử dụng chữ ký số), trừ văn bản mật.
- + 100% nhiệm vụ được giao thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo chung của tỉnh.

+ 100% nhiệm vụ công tác tư pháp theo dõi, giám sát điện tử (báo cáo hằng tháng, quý,...).

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia đào tạo kỹ năng số cơ bản.

+ 50% cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- *Giai đoạn 2028 - 2030:*

+ Phối hợp cơ quan thẩm quyền xây dựng cấp độ 4 mức độ trưởng thành hoặc tương đương về quản trị dữ liệu.

+ 100% hệ thống thông tin có kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ.

- + 100% Sử dụng 01 trợ lý ảo (AI) trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan.
- + 25% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có chuyên môn, kinh nghiệm cơ bản về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.
- + 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.
- + 100% hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ đúng quy định.

II. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

1. Hoàn thiện thể chế

- Phối hợp cơ quan có thẩm quyền xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số của Sở Tư pháp phù hợp với Khung kiến trúc số cấp tỉnh và phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.
- Xây dựng Danh mục nền tảng số của Sở Tư pháp theo nguyên tắc tập trung - dùng chung - tránh trùng lặp, ưu tiên các nền tảng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, điều hành và chia sẻ dữ liệu.

2. Phát triển dữ liệu số

- Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
- Chủ động thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu theo sự chỉ đạo chung của tỉnh, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu theo hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền.

3. Phát triển ứng dụng, nền tảng số

- Phối hợp cơ quan có thẩm quyền phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới và phù hợp ngành Tư pháp.
- Phối hợp cơ quan có thẩm quyền xây dựng Nền tảng AI cấp tỉnh theo hướng tích hợp, sử dụng chung ngành Tư pháp và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI); hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.

4. Phát triển hạ tầng Chính quyền số

- Phối hợp cơ quan có thẩm quyền triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính phủ số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024

của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Đưa dữ liệu ngành Tư pháp vào vận hành tại Trung tâm dữ liệu cấp tỉnh và nền tảng điện toán đám mây thống nhất, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của ngành Tư pháp.

5. Bảo đảm an ninh mạng

- 100% nền tảng số dùng chung đáp ứng yêu cầu Khung đánh giá mức độ rủi ro.

- Tăng cường giám sát an ninh mạng để phát hiện và cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn thông tin tại cơ quan, đơn vị ngành Tư pháp.

- Phối hợp Công an tỉnh, cơ quan có thẩm quyền thường xuyên rà soát, cập nhật dữ liệu an ninh mạng cho cơ quan, đơn vị, không để lộ lọt mất an toàn thông tin dữ liệu điện tử ngành Tư pháp.

6. Phát triển nhân lực số

- Tham gia đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên nền tảng “Bình dân học vụ số”.

- Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và tham gia hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về Chính phủ số, Khung Kiến trúc Chính phủ số và bảo đảm an ninh mạng do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

- Cập nhật kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do cơ quan có thẩm quyền tổ chức hằng năm, sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số...

7. Bảo đảm kinh phí

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ nguồn chi ngân sách nhà nước cấp cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi Kế hoạch, tham mưu Giám đốc Sở định kỳ, đột xuất báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh.

2. Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; báo cáo cuối năm, chậm nhất ngày 05 tháng 12 năm hằng năm hoặc đột xuất có văn bản chỉ đạo.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch có khó khăn, vướng mắc báo về Văn phòng Sở tổng hợp, tham mưu Giám đốc xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, CNTT, pvtoan.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STP ngày /02/2026 của Sở Tư pháp)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Giai đoạn 2026 - 2027			
I.1	Cung cấp dịch vụ số thông minh			
1	Tỉ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	%	100%	Văn phòng Sở phối hợp phòng có TTHC
2	Tỉ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	%	90%	Văn phòng Sở phối hợp phòng có TTHC
3	Tỉ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	%	95%	Văn phòng Sở
I.2	Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỉ lệ kết nối đến các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số.	%	100%	Văn phòng Sở
2	Tỉ lệ hồ sơ công việc cơ quan, đơn vị được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	%	100%	Văn phòng Sở phối hợp phòng, đơn vị thuộc Sở
3	Tỉ lệ chế độ báo cáo nhiệm vụ được giao thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo chung của tỉnh.	%	100%	Văn phòng Sở phối hợp phòng, đơn vị thuộc Sở
4	Tỉ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho công tác tư pháp được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	%	100%	Văn phòng Sở phối hợp phòng, đơn vị thuộc Sở
5	Phối hợp cơ quan thẩm quyền xây dựng đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành hoặc tương đương về quản trị dữ liệu.			Sở Tư pháp phối hợp cơ quan có thẩm quyền
6	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia đào tạo kỹ năng số cơ bản.	%	100%	Sở Tư pháp phối hợp cơ quan có thẩm quyền

7	Tỉ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Sở Tư pháp được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	%	50%	Sở Tư pháp phối hợp cơ quan có thẩm quyền
II	Giai đoạn 2028-2030			
II.1	Cung cấp dịch vụ số thông minh			
1	Tỉ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	%	95%	Văn phòng Sở
2	Tỉ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời (khi đủ điều kiện).	%	50%	Văn phòng Sở phối hợp phòng, đơn vị thuộc Sở
3	Tỉ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.	%	100%	Văn phòng Sở phối hợp phòng, đơn vị thuộc Sở
4	Tỉ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	%	100%	Văn phòng Sở phối hợp phòng có TTHC
5	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.	%	80%	Văn phòng Sở phối hợp phòng có TTHC
II.2	Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Phối hợp cơ quan thẩm quyền xây dựng đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành hoặc tương đương về quản trị dữ liệu.			Sở Tư pháp phối hợp cơ quan có thẩm quyền
2	Tỉ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	%	100%	Sở Tư pháp phối hợp cơ quan có thẩm quyền
3	Tỉ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành cơ quan	%	100%	Văn phòng Sở phối hợp phòng, đơn vị thuộc Sở
4	Tỉ lệ đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.	%	25%	Sở Tư pháp phối hợp cơ quan có thẩm quyền

5	Tỉ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyên đổi số của Sở Tư pháp được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	%	100%	Sở Tư pháp phối hợp cơ quan có thẩm quyền
6	Tỉ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	%	100%	Sở Tư pháp phối hợp cơ quan có thẩm quyền

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STP ngày /02/2026 của Sở Tư pháp)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện thể chế				
1	Phối hợp cơ quan có thẩm quyền xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số của Sở Tư pháp phù hợp với Khung kiến trúc số cấp tỉnh và phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Khung kiến trúc số được cập nhật phù hợp yêu cầu ngành Tư pháp	Năm 2026-2030
2	Xây dựng Danh mục nền tảng số của Sở Tư pháp theo nguyên tắc tập trung - dùng chung - tránh trùng lặp, ưu tiên các nền tảng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, điều hành và chia sẻ dữ liệu	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh phù hợp yêu cầu ngành Tư pháp	Năm 2026-2030
II	Phát triển dữ liệu số				
1	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Chủ động thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu theo sự chỉ đạo chung của tỉnh, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu theo hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Văn bản được cấp có thẩm quyền ban hành	Tháng 12/2026
III	Phát triển các ứng dụng, nền tảng số cho Chính phủ số				

1	Phối hợp cơ quan có thẩm quyền phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới và phù hợp ngành Tư pháp	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
2	Phối hợp cơ quan có thẩm quyền xây dựng Nền tảng AI cấp tỉnh theo hướng tích hợp, sử dụng chung ngành Tư pháp và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI); hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
IV	Phát triển hạ tầng Chính phủ số				
1	Phối hợp cơ quan có thẩm quyền triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính phủ số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số phù hợp yêu cầu ngành Tư pháp	Năm 2026-2030
2	Đưa dữ liệu ngành Tư pháp vào vận hành tại Trung tâm dữ liệu cấp tỉnh và nền tảng điện toán đám mây thống nhất, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của ngành Tư pháp	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ phù hợp yêu cầu ngành Tư pháp	Năm 2026-2030
V	Bảo đảm an ninh mạng				
1	100% nền tảng số dùng chung đáp ứng yêu cầu Khung đánh giá mức độ rủi ro	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Văn bản được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026-2026

2	Tăng cường giám sát an ninh mạng để phát hiện và cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn thông tin tại cơ quan, đơn vị ngành Tư pháp	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Phối hợp Công an tỉnh, cơ quan có thẩm quyền thường xuyên rà soát, cập nhật dữ liệu an ninh mạng cho cơ quan, đơn vị, không để lộ lọt mất an toàn thông tin dữ liệu điện tử ngành Tư pháp	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Công an tỉnh; phòng, đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên	Năm 2026-2030
VI Phát triển nhân lực số					
1	Tham gia đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên nền tảng “Bình dân học vụ số”	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Công an tỉnh; phòng, đơn vị thuộc Sở	Văn bản được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026-2030
2	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và tham gia hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	Văn bản được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026-2030
3	Cử cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về Chính phủ số, Khung Kiến trúc Chính phủ số và bảo đảm an ninh mạng do cơ quan có thẩm quyền tổ chức	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
4	Cập nhật kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do cơ quan có thẩm quyền tổ chức hằng năm, sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Các sở, ngành liên quan; phòng, đơn vị thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030